

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20

Số: 425/Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 04 đến trang 20. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Thái Thị Thanh Hải
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0039/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 24 tháng 3 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lã Toàn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0771/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		324.972.146.380	245.259.674.568
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	193.073.584.597	66.755.736.217
1. Tiền	111		5.253.630.597	2.002.799.932
2. Các khoản tương đương tiền	112		187.819.954.000	64.752.936.285
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.949.560.000	95.757.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	27.949.560.000	95.757.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		88.819.212.028	60.224.868.692
1. Phải thu khách hàng	131		76.701.207.352	55.447.158.723
2. Trả trước cho người bán	132		2.129.053.315	233.163.757
3. Các khoản phải thu khác	135	7	9.988.951.361	4.544.546.212
IV. Hàng tồn kho	140	8	11.324.135.062	19.964.920.394
1. Hàng tồn kho	141		11.324.135.062	19.964.920.394
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.805.654.693	2.557.149.265
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		270.240.465	288.495.694
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.172.054.127	2.014.382.378
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.363.360.101	254.271.193
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+260)	200		16.648.595.218	4.446.519.143
I. Tài sản cố định	220		3.156.472.709	3.423.708.167
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	2.133.477.241	1.546.604.209
- Nguyên giá	222		3.582.899.674	2.319.744.778
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.449.422.433)	(773.140.569)
2. Tài sản cố định vô hình	227		80.935.556	128.051.011
- Nguyên giá	228		202.461.818	202.461.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(121.526.262)	(74.410.807)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	942.059.912	1.749.052.947
II. Tài sản dài hạn khác	260		13.492.122.509	1.022.810.976
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	13.289.364.709	603.104.134
2. Tài sản dài hạn khác	268		202.757.800	419.706.842
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		341.620.741.598	249.706.193.711

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		128.016.694.482	89.965.977.932
I. Nợ ngắn hạn	310		127.867.254.447	89.888.141.609
1. Phải trả người bán	312		119.066.726.986	81.748.377.561
2. Người mua trả tiền trước	313		4.292.444.052	2.937.526.511
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	2.382.297.922	2.008.365.737
4. Phải trả người lao động	315		1.263.325.772	885.349.606
5. Chi phí phải trả	316		531.096.533	41.983.311
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		697.793.561	1.487.970.464
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		192.456.438	756.948.834
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(558.886.817)	21.619.585
II. Nợ dài hạn	330		149.440.035	77.836.323
1. Phải trả dài hạn khác	333		22.290.000	20.790.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		127.150.035	57.046.323
B - NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		213.604.047.116	159.740.215.779
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	213.604.047.116	159.740.215.779
1. Vốn điều lệ	411		188.700.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.480.000.000	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		42.394.203	46.263.718
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		984.613.816	-
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		337.031.314	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.060.007.783	9.693.952.061
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		341.620.741.598	249.706.193.711



Ngày 24 tháng 3 năm 2011

Đặng Thái Hà
Kế toán trưởng

MÃ SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

**CÔNG TY
CÔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
GAS ĐÔ THỊ**

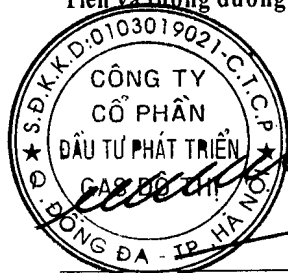
Đặng Thái Hà
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	352.820.518.001	92.024.099.660
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(324.842.114.432)	(80.400.235.797)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.262.636.811)	(6.117.058.387)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(117.578.827)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.603.477.032)	(652.984.811)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.868.025.514	2.993.401.689
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.819.341.485)	(4.881.669.931)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.160.973.755	2.847.973.596
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(17.286.120.930)	(998.905.974)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(26.649.560.000)	(86.757.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	92.457.000.000	93.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.922.084.192	19.355.388.096
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	63.443.403.262	24.599.482.122
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	54.180.000.000	34.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	7.797.372.930
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(7.797.372.930)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.511.694.000)	(3.132.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	48.668.306.000	30.868.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	126.272.683.017	58.315.455.718
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	66.755.736.217	8.393.326.581
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	45.165.363	46.953.918
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	193.073.584.597	66.755.736.217



Văn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

[Signature]

Đặng Thái Hà
Kế toán trưởng

Ngày 24 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/8/2007, thay đổi lần 6 ngày 20/09/2010.

Vốn điều lệ của Công ty là 188.700.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2010 là 96 (31/12/2009 là: 76).

Công ty có Chi nhánh tại Hồ Chí Minh, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4113029854 đăng ký lần đầu ngày 12/10/2007, thay đổi lần 4 ngày 27/07/2010.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên sàn Chứng khoán Hà Nội vào ngày 29/12/2010 với mã cổ phiếu là PCG.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Tư vấn, thiết kế, đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy, thiết bị và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh gas;
- Tư vấn, lập dự án đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống, thiết bị công nghệ phục vụ cung cấp, sản xuất khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dymethyl ête (DME);
- Kinh doanh và vận chuyển qua mạng đường ống, xe bồn chuyên dụng, tàu hỏa chuyên dụng và các loại khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dymethyl ête (DME); vận chuyển bình khí bằng xe tải;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất, phụ kiện ngành khí; kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng; kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Xây dựng kho bãi, trạm chiết nạp phục vụ cho hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dymethyl ête (DME);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dymethyl ête (DME);
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Đào tạo lao động phục vụ ngành khí (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: môi giới, định giá, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản (không bao gồm hoạt động môi giới giá đất);
- Kinh doanh thiết bị chuyển đổi từ nhiên liệu xăng, diesel sang LPG, CNG, LNG;
- Dịch vụ tư vấn, thi công, lắp đặt, cung cấp thiết bị hệ thống điều hòa không khí, điện, nước, thang máy, trang trí nội ngoại thất, thiết bị phòng cháy, chữa cháy;
- Thi công, lắp đặt, đầu tư và vận hành hệ thống thiết bị cung cấp LPG cho khu đô thị, khu công nghiệp;
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ hệ thống thi công khí gas công trình xây dựng;
- Giám sát thi công, xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2010
	Số năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 6

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đã được trả trước cho lô đất tại Khu công nghiệp Hiệp Phước với diện tích 5.076m², thời hạn thuê từ năm 2010 đến hết năm 2048. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai (2) trường hợp sau:

- (a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Văn phòng tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (VAS10). Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 giảm 42.394.203 VND (năm 2009 giảm: 46.263.718 VND) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2010 sẽ tăng một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu tại ngày 31/12/2010, theo đó không có khoản thuế hoãn lại nào được ghi nhận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	1.084.825.106	158.540.809
Tiền gửi ngân hàng	4.168.805.491	1.844.259.123
Các khoản tương đương tiền	187.819.954.000	64.752.936.285
	193.073.584.597	66.755.736.217

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi tiết kiệm và ủy thác đầu tư trong thời gian dưới 12 tháng với lãi suất cố định.

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền gửi tiết kiệm dưới 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.949.960.000	28.257.000.000
Tiền gửi tiết kiệm dưới 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu	5.500.000.000	11.500.000.000
Tiền gửi tiết kiệm dưới 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đại Dương	-	11.500.000.000
Tiền gửi tiết kiệm dưới 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	499.600.000	-
Ủy thác đầu tư và tiền gửi tiết kiệm dưới 12 tháng tại Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam	-	7.000.000.000
Ủy thác đầu tư dưới 12 tháng tại Công ty CP Đầu tư Tài chính Công đoàn dầu khí Việt Nam	20.000.000.000	25.000.000.000
Ủy thác đầu tư dưới 12 tháng tại Công ty CP Đầu tư tài chính công đoàn dầu khí Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	-	12.500.000.000
	<u>27.949.560.000</u>	<u>95.757.000.000</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi dự thu	8.576.983.883	4.516.088.261
Các khoản phải thu khác	1.411.967.478	28.457.951
	<u>9.988.951.361</u>	<u>4.544.546.212</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	-	10.575.648.118
Nguyên liệu, vật liệu	9.894.791.465	3.578.970.259
Công cụ, dụng cụ	32.820.456	25.002.874
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.309.708.680	1.581.703.364
Hàng hoá	86.814.461	4.203.595.779
	<u>11.324.135.062</u>	<u>19.964.920.394</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2010	473.577.188	1.494.762.818	234.483.772	116.921.000	2.319.744.778
Mua trong năm	-	-	131.927.145	85.000.000	216.927.145
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	1.046.227.751	1.046.227.751
Tại ngày 31/12/2010	<u>473.577.188</u>	<u>1.494.762.818</u>	<u>366.410.917</u>	<u>1.248.148.751</u>	<u>3.582.899.674</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2010	66.981.120	472.818.644	206.885.771	26.455.034	773.140.569
Trích khấu hao	41.385.462	250.263.023	145.215.140	239.418.239	676.281.864
Tại ngày 31/12/2010	<u>108.366.582</u>	<u>723.081.667</u>	<u>352.100.911</u>	<u>265.873.273</u>	<u>1.449.422.433</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	<u>365.210.606</u>	<u>771.681.151</u>	<u>14.310.006</u>	<u>982.275.478</u>	<u>2.133.477.241</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>406.596.068</u>	<u>1.021.944.174</u>	<u>27.598.001</u>	<u>90.465.966</u>	<u>1.546.604.209</u>

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tại ngày 1 tháng 1	1.749.052.947	125.505.059
Tăng	746.228.599	1.680.968.888
Kết chuyển sang tài sản cố định	1.046.227.751	57.421.000
Kết chuyển sang chi phí trả trước	506.993.883	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>942.059.912</u>	<u>1.749.052.947</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tại ngày 1 tháng 1	603.104.134	523.255.288
Tăng	13.350.972.287	486.272.856
Phân bổ vào chi phí trong năm	664.711.712	406.424.010
Tại ngày 31 tháng 12	<u>13.289.364.709</u>	<u>603.104.134</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	81.922.232	25.841.043
Thuế xuất nhập khẩu	9.998.681	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.119.362.503	1.954.402.453
Thuế thu nhập cá nhân	171.014.506	28.122.241
	<u>2.382.297.922</u>	<u>2.008.365.737</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 188.700.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2010, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ. Cụ thể:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số CP	Số tiền (VND)	Số CP	Số tiền (VND)
Xinao Gas	8.282.000	82.820.000.000	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí	-	-	2.700.000	27.000.000.000
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	218.100	2.181.000.000	218.100	2.181.000.000
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex)	-	-	750.000	7.500.000.000
Công ty CP ĐTPT Đô thị và KCN Sông Đà	750.000	7.500.000.000	750.000	7.500.000.000
Tổng công ty Khí Việt Nam	6.700.000	67.000.000.000	6.700.000	67.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu Khí Việt Nam	-	-	212.000	2.120.000.000
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	-	-	600.000	6.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu Khí	-	-	750.000	7.500.000.000
Ông Trịnh Hoàng Nam	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Các cổ đông phổ thông khác	2.819.900	28.199.000.000	2.219.900	22.199.000.000
	18.870.000	188.700.000.000	15.000.000	150.000.000.000

14. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa	322.036.825.474	118.908.220.292
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	17.234.407.989	19.609.261.743
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	87.727.273	707.425.597
	339.358.960.736	139.224.907.632

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn của hàng đã bán	314.550.113.192	116.341.662.446
Giá vốn hoạt động xây dựng	13.081.394.452	14.515.095.173
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	205.111.074	233.358.894
	327.836.618.718	131.090.116.513

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.116.969.749	16.400.632.297
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	112.675.540	102.536.810
	19.229.645.289	16.503.169.107

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.669.515.529	6.018.681.989
Chi phí vật liệu quản lý	112.954.483	114.979.976
Chi phí đồ dùng văn phòng	409.025.284	530.161.846
Chi phí khấu hao tài sản cố định	721.602.159	455.686.543
Thuế, phí và lệ phí	18.444.079	20.240.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.673.122.205	4.116.556.116
Chi phí khác	756.549.039	875.494.343
	17.361.212.778	12.131.801.113

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	10.980.541.764	11.934.713.466
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Lỗ các năm trước mang sang	-	-
Thu nhập chịu thuế	10.980.541.764	11.934.713.466
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.745.135.442	2.983.678.367
Thuế được giảm (*)	-	(895.103.514)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.745.135.442	2.088.574.853

(*) Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2009 theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc giảm thuế cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.235.406.322	9.846.138.613
Trừ: Thù lao Hội đồng quản trị	(138.000.000)	(140.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.097.406.322	9.706.138.613
Cổ phiếu bình quân đang lưu hành trong năm	17.194.767	14.626.374
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	471	664

20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	373.070.885	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Trong vòng một năm	8.417.598.389	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	19.884.157.222	-
Sau năm năm	16.466.752.556	-
	44.768.508.167	-

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 742 m² tại tầng 4, Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 173 đường Trung Kính, Hà Nội, với giá thuê 820.000VND/m²/năm. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2010.

21. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng miền Bắc	688.835	10.031.492.413
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng miền Nam		2.429.974.958
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	239.411.465	1.035.726.588
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam tại Nha Trang	3.335.970.083	17.407.378.260
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam tại Quảng Ngãi	54.534.654	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm Khí	239.704.817.833	107.928.592.758
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hoá lỏng Hà Nội	40.485.550	63.590.300
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hoá lỏng miền Trung	-	25.102.800
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	-	744.032.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	-	6.264.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	110.000.000	-
Chi nhánh Viện Dầu Khí Việt Nam - Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao Công nghệ	82.963.636	-
Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	484.333.080	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Xuất nhập khẩu Khí gas hóa lỏng Vạn Lộc	333.145.939	-
Cty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Dầu khí Bạch Hổ	132.502.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng miền Nam tại Cần Thơ	6.768.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng miền Nam tại Vũng Tàu	10.368.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4 - Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 173 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Bán hàng		
Ban Quản lý Dự án Khí điện đạm Cà Mau	-	568.378.853
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	1.080.000.000	155.023.625
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	-	6.699.256.303
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng - PVFCCo	-	7.576.003.537
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	-	221.374.530
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	1.165.755.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dầu khí Quảng Bình	1.188.006.224	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	275.972.312	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông - Khách sạn Phương Đông	65.126.250	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí	21.312.560	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	892.835.000	-
Công ty CP Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí miền Nam	19.893.300	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam tại Tây Ninh	2.813.066	-
Góp vốn		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	-	34.000.000.000
Xinao gas	54.180.000.000	-
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị		
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	900.818.182	712.600.000
Thù lao Hội đồng Quản trị	162.000.000	140.000.000
Số dư với các bên liên quan:		
	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Lãi từ các khoản đầu tư ngắn hạn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	-	2.273.416.666
Phải thu thương mại		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	-	40.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	675.000.000	7.208.851
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	-	40.500.000
Ban Quản lý Dự án Khí điện đạm Cà Mau	-	3.740.560.614
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	765.755.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dầu khí Quảng Bình	2.044.360.768	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu Khí Thái Bình	275.972.312	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông - Khách sạn Phương Đông	65.126.300	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí	63.364.620	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	614.835.000	-
Công ty Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí miền Nam	19.893.300	-

MẪU SỐ B 09-DN

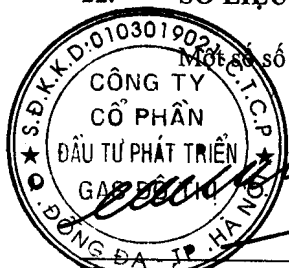
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Phải trả thương mại		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng miền Nam	-	40.450.531
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	239.411.465	50.983.561
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha	6.454.048	11.083.200
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam tại Nha Trang	12.731.958.127	10.874.567.002
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm Khí	102.469.205.446	69.849.326.570
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng miền Bắc	688.835	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	70.000.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam tại Quảng Ngãi	132.909.516	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hoá lỏng Hà Nội	42.985.550	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Xuất nhập khẩu Khí gas hoá lỏng Vạn Lộc	333.145.939	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam tại Tây Ninh	28.573.078	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng miền Nam tại Cần Thơ	6.768.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng miền Nam tại Vũng Tàu	10.368.000	-
Người mua trả tiền trước		
Ban Quản lý Dự án Khí điện đạm Cà Mau	1.359.853.062	2.072.371.147
Trả trước cho người bán		
Chi nhánh Viện Dầu Khí Việt Nam - Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao Công nghệ	829.636.364	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	19.431.818	-
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt nam - Công ty TNHH MTV Tư vấn Quản lý Dự án Khí	162.965.400	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	762.536.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	20.000.000.000	37.500.000.000

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.



Văn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2011

Đặng Thái Hà
Kế toán trưởng